

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/8/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/8/2020: 550.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã chứng khoán: VVN.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên
Ông Vương Khả Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Thành viên (Bầu ngày 31/5/2024)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên
Ông Phạm Đình Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Phạm Hùng	Thành viên (Bầu ngày 31/5/2024)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Khả Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/06/2024)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Chí Nguyên**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số: 224/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 26/8/2024, từ trang 05 đến trang 39 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/6/2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>886.456.971.167</b>	<b>664.335.563.230</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>14.309.819.430</b>	<b>44.676.245.321</b>
1. Tiền	111		14.309.819.430	44.676.245.321
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.400.000.000	1.400.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>731.994.693.689</b>	<b>547.161.148.008</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	219.224.653.324	78.355.178.227
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	106.340.298.545	104.200.979.168
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	481.101.231.702	439.282.464.295
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(74.671.489.882)	(74.677.473.682)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>125.237.298.084</b>	<b>63.465.844.124</b>
1. Hàng tồn kho	141		137.379.907.645	75.658.515.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.142.609.561)	(12.192.671.316)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.515.159.964</b>	<b>7.632.325.777</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.433.646.161	6.046.209.681
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	2.081.513.803	1.586.116.096
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>323.213.943.066</b>	<b>323.284.762.229</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>112.500.000</b>	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	112.500.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.084.596.440</b>	<b>1.355.735.978</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.084.596.440	1.355.735.978
<i>Nguyên giá</i>	222		31.696.938.730	31.696.938.730
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.612.342.290)	(30.341.202.752)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.013.925.557	1.013.925.557
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.013.925.557)	(1.013.925.557)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>304.242.372.682</b>	<b>304.242.372.682</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		473.305.672.855	473.305.672.855
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(252.209.936.000)	(252.209.936.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.774.473.944</b>	<b>17.686.653.569</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	17.774.473.944	17.686.653.569
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.209.670.914.233</b>	<b>987.620.325.459</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30/6/2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>469.941.080.717</b>	<b>254.091.858.580</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>456.509.860.717</b>	<b>240.642.638.580</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	79.481.069.843	52.677.963.509
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	111.620.835.455	81.780.629.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.523.585.609	1.540.942.949
4. Phải trả người lao động	314		9.962.657.076	8.975.888.932
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	32.072.544.298	28.721.723.154
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	20.474.126.176	20.117.272.394
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	182.561.752.378	26.641.323.309
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.800.000.000	2.800.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.013.289.882	17.386.894.982
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.431.220.000</b>	<b>13.449.220.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	13.431.220.000	13.449.220.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>739.729.833.516</b>	<b>733.528.466.879</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>739.729.833.516</b>	<b>733.528.466.879</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>550.000.000.000</i>	<i>550.000.000.000</i>
2. Chênh lệch tỷ giá	417		(109.200.969)	(109.200.969)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		189.839.034.485	183.637.667.848
<i>Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>182.067.476.939</i>	<i>178.822.132.660</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7.771.557.546</i>	<i>4.815.535.188</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.209.670.914.233</b>	<b>987.620.325.459</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024  
Tổng Giám đốc

Đỗ Chí Nguyễn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	258.651.548.418	73.111.607.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>258.651.548.418</b>	<b>73.111.607.443</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	253.463.043.473	70.005.450.854
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>5.188.504.945</b>	<b>3.106.156.589</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.906.325.187	18.161.818.585
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	16.511.305.139	13.370.211.351
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>6.583.524.993</b>	<b>7.897.763.823</b>
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.415.422.367	824.766.182
12. Chi phí khác	32	6.5	227.389.814	159.319.917
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.5</b>	<b>1.188.032.553</b>	<b>665.446.265</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7.771.557.546</b>	<b>8.563.210.088</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.6	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>7.771.557.546</b>	<b>8.563.210.088</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024  
Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

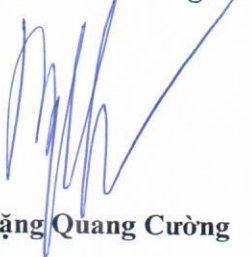
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.771.557.546	8.563.210.088
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		271.139.538	924.931.784
Các khoản dự phòng	03		(56.045.555)	576.838.936
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.906.325.187)	(18.186.420.403)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.919.673.658)	(8.121.439.595)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(171.831.164.989)	521.366.923
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(61.721.392.205)	(41.414.979.121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		56.884.871.527	10.377.593.226
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(87.820.375)	11.783.409
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		728.032.683	60.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.054.297.962)	(57.918.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(189.001.444.979)	(38.623.593.827)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & Tài sản dài hạn khác	21		-	(143.833.600)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		-	203.929.818
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.714.590.019	5.192.418.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.714.590.019	5.252.514.480
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		200.897.964.579	24.485.419.959
2. Chi trả nợ gốc vay	34		(44.977.535.510)	(19.806.952.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		155.920.429.069	4.678.467.747
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(30.366.425.891)	(28.692.611.600)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	44.676.245.321	35.447.677.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	14.309.819.430	6.755.065.998

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/08/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 19/08/2020: 550.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã giao dịch: VVN.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024: 134 người (Tại 31/12/2023: 137 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp./.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ là: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Không có hoạt động, sự kiện quan trọng nào phát sinh trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần phải được Tổng Công ty công bố.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tình trạng
Văn phòng Tổng Công ty	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động
Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 Lý Tự Trọng - Bến Nghé - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st. 206 + 211, Sangkat Vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia	Đang hoạt động
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01 Tòa nhà số 23, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yagon, Myanmar	Đang hoạt động

Danh sách các Công ty con tại ngày 30/6/2024:

TT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	Tổ 5, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	100%	100%
6	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	52,15%	52,15%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Km 5 Khu Lâm Sản, phường Sờ Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	71,42%	71,42%
8	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	No 356A đường Hà Nội, phường Phước Long A, quận 9, TP. HCM	51,00%	51,00%
9	Công ty Cổ phần XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Số 156 Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	51,00%	51,00%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Lầu 06, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%
11	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%
12	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	50,69%	50,69%
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Danh sách các Công ty liên kết tại ngày 30/6/2024:

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27,37%	27,37%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, TP. Hà Nội	36,00%	36,00%
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	25,00%	25,00%
4	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội	41,18%	41,18%
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Thôn Tháp Phan, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Dương	20,00%	20,00%
6	Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Số 5 phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	27,99%	27,99%
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon (E & C)	Số 5 phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	20,70%	20,70%
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	23,11%	23,11%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty. Do đó, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con.

Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ của đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh Myanmar và Chi nhánh Campuchia được lập bằng đơn vị tiền tệ là Myanmar Kyats (MMK) và đồng đô la Mỹ (USD). Để phục vụ cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, Chi nhánh Myanmar và Chi nhánh Campuchia đã thực hiện chuyển đổi các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng MMK và USD sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng trung ương Myanmar và Campuchia tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng trung ương Myanmar và Campuchia tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh sau khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái"- Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết:* Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (năm) của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này.

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, Phần mềm quản lý trang web, phần mềm mạng LAN, Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm văn phòng điện tử BKAV. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định vô hình được xác định trên cơ sở phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	02
Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho	02
Phần mềm quản lý trang Web	03
Phần mềm mạng LAN	03
Phần mềm văn phòng điện tử BKAV	03

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hoá Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa thực hiện phân bổ.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận khoản vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay;
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành. Tổng Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong năm nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán (hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính).

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định và dự phòng bảo hành công trình xây lắp, được tính theo tỷ lệ % giá trị công trình được quy định tại từng hợp đồng thi công xây lắp.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí từ hoạt động xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- (ii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm xây lắp được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập hiện hành đang áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp là chủ yếu và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	412.082.517	101.357.452
Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)	13.897.736.913	44.574.887.869
<b>Tổng</b>	<b>14.309.819.430</b>	<b>44.676.245.321</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	27.191.055.200
Công ty Cổ phần Khoáng sản và XD Bình Dương	-	2.440.172.226
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	6.166.320.702	6.166.320.702
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	1.099.356.449	1.099.356.449
Công ty CP Archi Reenco Hòa Bình	10.915.969.348	10.915.969.348
Công ty Cổ phần Nova E&C	1.345.368.048	1.345.368.048
Công ty Cổ phần Việt Vương	81.934.831.856	-
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	61.880.799.267	-
Các đối tượng khác	28.690.952.454	29.196.936.254
<b>Tổng</b>	<b>219.224.653.324</b>	<b>78.355.178.227</b>
<i>Trong đó phải thu bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>362.971.270</i>	<i>362.971.270</i>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty Cổ phần XD và TM LEPRO Việt Nam	2.250.182.909	2.250.182.909
Công ty CP Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	5.691.112.890	5.685.835.724
Công ty CP Tư vấn Phát triển năng lượng Index	2.953.514.061	2.953.514.061
Công ty CP Xây dựng Đặc Đạo	16.536.818.345	26.307.468.635
Công ty Cổ phần TĐH15	11.835.369.399	11.835.369.399
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	11.244.802.634	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy thiết bị Thăng Long	-	6.740.122.222
Công ty TNHH Hữu Toàn Group- CN Miền Nam	3.713.756.400	3.713.756.400
Các đối tượng khác	31.791.937.971	24.391.925.882
<b>Tổng</b>	<b>106.340.298.545</b>	<b>104.200.979.168</b>
<i>Trong đó trả trước cho bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>33.361.858.620</i>	<i>22.309.280.123</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>481.101.231.702</b>		<b>439.282.464.295</b>	
Tạm ứng	7.153.561.262	-	8.793.670.790	-
Ký quỹ, ký cược	12.692.862	-	112.500.000	-
Phải thu khác	473.934.977.578	-	430.376.293.505	-
<i>Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (i)</i>	408.989.353.155	-	381.279.416.657	-
<i>Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất (ii)</i>	13.844.892.847	-	13.844.892.847	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất (ii)</i>	7.150.635.770	-	7.150.635.770	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 (iii)</i>	7.059.425.997	-	6.165.495.838	-
<i>Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức (iii)</i>	8.510.193.200	-	7.220.359.500	-
<i>Các đối tượng khác</i>	28.380.476.609	-	14.715.492.893	-
<b>b, Dài hạn</b>	<b>112.500.000</b>		-	
Ký quỹ, ký cược	112.500.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>481.213.731.702</b>	<b>-</b>	<b>439.282.464.295</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu với Bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh 7.1)</b>	<b>463.235.649.860</b>	<b>-</b>	<b>424.865.077.383</b>	<b>-</b>

- (i) Nội dung chủ yếu là khoản Tổng Công ty trả nợ thay cho Công ty Xi măng Quang Sơn khoản nợ gốc vay dài hạn Ngân hàng BNP Paribas, lãi vay để đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên và các chi phí hỗ trợ khác.
- (ii) Tổng Công ty thanh toán cho các nhà cung cấp của các Công ty con.
- (iii) Các khoản phải thu về cổ tức, lợi nhuận và phải thu khác.

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	74.671.489.882	-	74.677.473.682	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	<b>30/6/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	(27.191.055.200)	27.191.055.200	(27.191.055.200)
Công ty CP Xây dựng 203	4.102.173.574	(4.102.173.574)	4.102.173.574	(4.102.173.574)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	(3.022.433.220)	3.022.433.220	(3.022.433.220)
Công ty TNHH Lavimont VN	2.778.463.119	(2.778.463.119)	2.778.463.119	(2.778.463.119)
Công ty CP XD và TM LEPRO Việt Nam	2.250.182.909	(2.250.182.909)	2.250.182.909	(2.250.182.909)
Công ty TNHH Công nghiệp Hoàng Sơn	8.899.267.173	(8.899.267.173)	8.899.267.173	(8.899.267.173)
Công ty CP Thép Thái Bình	2.564.880.468	(2.564.880.468)	2.564.880.468	(2.564.880.468)
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	5.075.550.601	(5.075.550.601)	5.075.550.601	(5.075.550.601)
Công ty CP kết cấu thép Xây dựng	8.485.617.811	(8.485.617.811)	8.485.617.811	(8.485.617.811)
Các đối tượng khác	10.301.865.807	(10.301.865.807)	10.307.849.607	(10.307.849.607)
<b>Tổng</b>	<b>74.671.489.882</b>	<b>(74.671.489.882)</b>	<b>74.677.473.682</b>	<b>(74.677.473.682)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>30/6/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>137.379.907.645</b>	<b>(12.142.609.561)</b>	<b>75.658.515.440</b>	<b>(12.192.671.316)</b>
Nguyên vật liệu	6.604.040.788	(313.403.692)	6.604.040.788	(363.465.447)
Công cụ, dụng cụ	14.081.818	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	128.215.605.039	(11.829.205.869)	69.054.474.652	(11.829.205.869)
Hàng hóa	2.546.180.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>137.379.907.645</b>	<b>(12.142.609.561)</b>	<b>75.658.515.440</b>	<b>(12.192.671.316)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn:

Công trình/Dự án	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình Nhà máy Gang thép Thái Nguyên - Giai đoạn 2 (*)	11.829.205.869	11.829.205.869
Dự án Trạm 110kV Mộc Bài và đường dây đầu nối	224.097.168	-
NM gang thép Hoà Phát - Quảng Ngãi	3.771.859.606	3.771.859.606
Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Lâm Sơn	1.902.540.622	1.956.942.720
Khu Đô thị Aqua City	5.690.488.709	5.690.488.709
Nhà máy điện khí LNG Hiệp Phước	14.510.171.069	14.380.954.931
Đường dây 110KV Phú Quốc - Nam Phú Quốc	8.830.437.407	4.571.388.514
Dự án hóa dầu Long Sơn	338.680.265	293.180.265
Trung tâm Thương mại (Nam Hà cũ)	37.279.486.626	21.280.563.280
Gói thầu 21+26_ĐTRR/VCC/2024_Dự án trạm BTS cho thuê 2024	14.328.550.348	-
Các công trình, dự án khác	29.510.087.350	5.279.890.758
<b>Tổng</b>	<b>128.215.605.039</b>	<b>69.054.474.652</b>

(\*) Công trình đã được trích lập dự phòng với giá trị 11.829.205.869 đồng.

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn	Phương tiện dụng cụ quản lý	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư ngày 01/01/2024	20.662.134.161	622.976.000	9.642.470.051	769.358.518	31.696.938.730
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2024	20.662.134.161	622.976.000	9.642.470.051	769.358.518	31.696.938.730
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư ngày 01/01/2024	20.612.792.191	530.826.000	8.670.622.505	526.962.056	30.341.202.752
Khấu hao trong kỳ	13.989.230	9.700.000	184.147.602	63.302.706	271.139.538
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2024	20.626.781.421	540.526.000	8.854.770.107	590.264.762	30.612.342.290
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2024	49.341.970	92.150.000	971.847.546	242.396.462	1.355.735.978
Tại ngày 30/6/2024	35.352.740	82.450.000	787.699.944	179.093.756	1.084.596.440

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết còn đang sử dụng tại ngày 30/6/2024: 28.914.178.966 VND (tại ngày 31/12/2023: 18.532.137.966 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Phần mềm quản lý</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư ngày 01/01/2024	1.013.925.557	1.013.925.557
Số dư ngày 30/6/2024	1.013.925.557	1.013.925.557
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư ngày 01/01/2024	1.013.925.557	1.013.925.557
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 30/6/2024	1.013.925.557	1.013.925.557
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư ngày 01/01/2024	-	-
Số dư ngày 30/6/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn đang sử dụng tại ngày 30/6/2024: 1.013.925.557 VND (tại ngày 31/12/2023: 1.013.925.557 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

a) *Thông tin chi tiết khoản đầu tư vào Công ty con*

Đầu tư vào Công ty con	30/6/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(*)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	200.000.000.000	(200.000.000.000)	200.000.000.000	(200.000.000.000)	(*)
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	24.386.208.045	(14.334.308.294)	24.386.208.045	(14.334.308.294)	(*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	4.024.058.696	(4.024.058.696)	4.024.058.696	(4.024.058.696)	(*)
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	38.035.530.934	-	38.035.530.934	-	(*)
Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	2.792.888.482	(364.920.707)	2.792.888.482	(364.920.707)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	12.201.283.784	-	12.201.283.784	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	4.547.145.641	(1.335.164.074)	4.547.145.641	(1.335.164.074)	(*)
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	15.278.557.273	-	15.278.557.273	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	2.040.000.000	(1.833.248.656)	2.040.000.000	(1.833.248.656)	(*)
<b>Tổng</b>	<b>473.305.672.855</b>	<b>(231.891.700.427)</b>	<b>473.305.672.855</b>	<b>(231.891.700.427)</b>	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Mẫu số B09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

**b) Thông tin chi tiết khoản đầu tư vào Công ty liên kết**

Đầu tư vào Công ty liên kết	30/6/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	6.634.922.757	-	6.634.922.757	-	(*)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	14.300.768.318	-	14.300.768.318	-	(*)
Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	2.730.001.416	(569.134.255)	2.730.001.416	(569.134.255)	(*)
Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	742.806.389	(500.665.396)	742.806.389	(500.665.396)	(*)
Công ty CP Bé tông ly tâm Vinaincon	8.010.131.008	(7.946.667.790)	8.010.131.008	(7.946.667.790)	(*)
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	2.428.000.000	-	2.428.000.000	-	(*)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	6.208.620.000	-	6.208.620.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	13.208.342.264	-	13.208.342.264	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>54.263.592.152</b>	<b>(9.016.467.441)</b>	<b>54.263.592.152</b>	<b>(9.016.467.441)</b>	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Mẫu số B09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

c) Thông tin chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Lắp máy và Xây dựng Miền Nam	779.612.900	(543.980.185)	779.612.900	(543.980.185)
Công ty Cổ phần ĐT và Sản xuất công nghiệp	4.123.185.470	-	4.123.185.470	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp	10.032.000.000	(10.032.000.000)	10.032.000.000	(10.032.000.000)
Công ty CP Tư vấn TK Công nghiệp dân dụng	899.972.230	-	899.972.230	-
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	2.100.925.000	(725.787.947)	2.100.925.000	(725.787.947)
Công ty CP TM Xây lắp CN Thăng Long	2.086.292.176	-	2.086.292.176	-
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (i)	8.861.055.899	-	8.861.055.899	-
<b>Tổng</b>	<b>28.883.043.675</b>	<b>(11.301.768.132)</b>	<b>28.883.043.675</b>	<b>(11.301.768.132)</b>

(\*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11 Chi phí trả trước**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>17.774.473.944</b>	<b>17.686.653.569</b>
Giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hóa (i)	13.401.220.000	13.401.220.000
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	4.373.253.944	4.285.433.569
<b>Tổng</b>	<b>17.774.473.944</b>	<b>17.686.653.569</b>

- (i) Quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khoản này đang được ghi nhận là chi phí trả trước tương ứng với khoản phải trả khác (xem Thuyết minh số 5.16).

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Thép GSB	1.031.784.600	1.031.784.600	1.136.784.600	1.136.784.600
Công ty Cổ phần thiết bị công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 18	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty TNHH NNB Việt Nam	6.534.966.405	6.534.966.405	6.534.966.405	6.534.966.405
Công ty CP Phát triển Kỹ thuật CN EDH	960.150.800	960.150.800	-	-
Công ty TNHH Thép Povina	-	-	974.138.993	974.138.993
Công ty Cổ phần Quỳnh Minh	12.545.013.697	12.545.013.697	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	5.390.987.300	5.390.987.300	5.390.987.300	5.390.987.300
Công ty TNHH TM Cơ Khí Công nghiệp Đại Nghĩa	7.164.546.015	7.164.546.015	-	-
Công ty CP Cơ khí xây lắp Hóa chất	2.614.811.001	2.614.811.001	2.614.811.001	2.614.811.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương Mại Tín Hiếu	2.187.812.267	2.187.812.267	2.187.812.267	2.187.812.267
Các đối tượng khác	30.551.213.758	30.551.213.758	23.338.678.943	23.338.678.943
<b>Tổng</b>	<b>79.481.069.843</b>	<b>79.481.069.843</b>	<b>52.677.963.509</b>	<b>52.677.963.509</b>
<i>Trong đó: Phải trả bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>9.551.760.243</i>	<i>9.551.760.243</i>	<i>9.689.320.049</i>	<i>9.689.320.049</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần An Phước	16.761.031.961	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng VINAINCON	20.000.000.000	-
Công ty cổ phần Tổng công ty Tín Nghĩa	8.798.699.513	-
Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel	6.090.375.588	-
Công ty TNHH Hải Linh	3.187.147.607	3.187.147.607
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	4.236.464.327	6.120.469.699
Ban quản lý đường sắt đô thị	27.315.635.235	27.315.635.235
Tổng Công ty điện lực Miền Nam - TNHH	20.573.014.603	43.193.239.588
Các đối tượng khác	4.658.466.621	1.964.137.222
<b>Tổng</b>	<b>111.620.835.455</b>	<b>81.780.629.351</b>
<i>Trong đó người mua trả trước là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>20.000.000.000</i>	-

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

**a) Thuế phải thu**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2024
	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	389.440.193	389.440.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.000.000	-	-	825.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	256.730.081	144.406.286	250.363.800	362.687.595
Các khoản nộp tại nước ngoài	504.386.015	-	-	504.386.015
<b>Tổng</b>	<b>1.586.116.096</b>	<b>144.406.286</b>	<b>639.803.993</b>	<b>2.081.513.803</b>

**b) Thuế phải nộp**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2024
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.520.231.753	7.520.231.753	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.340.000	12.982.660	30.340.000	12.982.660
Thuế nộp tại nước ngoài	848.908.326	-	-	848.908.326
Thuế Môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	661.694.623	-	-	661.694.623
<b>Tổng</b>	<b>1.540.942.949</b>	<b>7.537.214.413</b>	<b>7.554.571.753</b>	<b>1.523.585.609</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí hợp đồng xây dựng	31.113.555.328	28.009.491.513
- DA Lọc hóa dầu Long Sơn	2.022.778.263	2.022.778.263
- DA Nhà máy điện khí LNG Hiệp Phước	1.615.314.270	1.615.314.270
- Hợp đồng cung cấp và thi công cọc bê tông Delta	1.556.243.071	2.507.953.101
- DA nâng cấp HT điều khiển bảo vệ TBA 500KV và 220KV Miền Bắc	1.497.457.616	3.421.620.366
- DA nâng cấp HT điều khiển bảo vệ TBA 500KV và 220KV Miền Trung	11.360.195.520	11.424.112.112
- Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2024- Gói 21	1.734.004.922	-
- Dự án, công trình khác	11.327.561.666	7.017.713.401
Chi phí phải trả khác	958.988.970	712.231.641
<b>Tổng</b>	<b>32.072.544.298</b>	<b>28.721.723.154</b>

**5.16 Phải trả khác**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.474.126.176</b>	<b>20.117.272.394</b>
Kinh phí công đoàn	528.392.219	552.208.123
Bảo hiểm xã hội	802.205.181	677.361.502
Bảo hiểm y tế	344.374.442	301.516.667
Bảo hiểm thất nghiệp	133.938.259	114.890.359
Nhận ký quỹ, ký cược	75.000.000	75.000.000
Các khoản phải trả khác	18.590.216.075	18.396.295.743
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất (i)	8.955.861.916	8.955.861.916
Cổ tức và lãi vay phải trả nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu	1.717.262.985	1.717.262.985
Khoản vay phải trả CBNV	3.422.264.548	3.422.264.548
Các khoản khác	4.494.826.626	4.300.906.294
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.431.220.000</b>	<b>13.449.220.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	48.000.000
Phải nộp về quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa (ii)	13.401.220.000	13.401.220.000
<b>Tổng</b>	<b>33.905.346.176</b>	<b>33.566.492.394</b>
<i>Trong đó phải trả các Bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<b>8.963.211.916</b>	<b>8.963.211.916</b>

- (i) Phải trả liên quan đến bù đắp cổ phần hóa doanh nghiệp.
- (ii) Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội phải nộp theo Phương án cổ phần hóa (xem thuyết minh số 5.11).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

Vay ngắn hạn	30/6/2024		Số phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sờ GD 1 (i)	182.561.752.378	182.561.752.378	200.897.964.579	44.977.535.510	26.641.323.309	26.641.323.309
<b>Tổng</b>	<b>182.561.752.378</b>	<b>182.561.752.378</b>	<b>200.897.964.579</b>	<b>44.977.535.510</b>	<b>26.641.323.309</b>	<b>26.641.323.309</b>

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/534/HĐHMTD ngày 23/10/2023. Hạn mức cấp tín dụng: 620 tỷ đồng (trong đó dư nợ tín dụng L/C và bảo lãnh thanh toán tối đa không quá 285 tỷ đồng), mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động, mở LC, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/09/2024. Tài sản đảm bảo: Tài sản trên đất tại địa chỉ: Tòa nhà Vinaincon số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2023	550.000.000.000	(867.110.330)	183.238.484.642	732.371.374.312
Lãi trong năm trước	-	-	4.815.535.188	4.815.535.188
Trích lập các quỹ	-	-	(4.402.000.000)	(4.402.000.000)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	-	757.909.361	-	757.909.361
Tăng giảm khác	-	-	(14.351.982)	(14.351.982)
Số dư 31/12/2023	550.000.000.000	(109.200.969)	183.637.667.848	733.528.466.879
Số dư 01/01/2024	550.000.000.000	(109.200.969)	183.637.667.848	733.528.466.879
Lãi trong kỳ này	-	-	7.771.557.546	7.771.557.546
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(1.568.000.000)	(1.568.000.000)
Tăng giảm khác (ii)	-	-	(2.190.909)	(2.190.909)
Số dư 30/6/2024	550.000.000.000	(109.200.969)	189.839.034.485	739.729.833.516

(i) Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.435.000.000 đồng và thưởng Ban điều hành: 133.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết 01/2024/NQ- ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

(ii) Thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính từ các năm trước.

**b) Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Bộ Công thương	455.125.000.000	455.125.000.000
Cổ đông khác	94.875.000.000	94.875.000.000
<b>Tổng</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d) Cổ phiếu**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	258.612.677.018	72.500.335.624
Doanh thu khác	38.871.400	611.271.819
<b>Tổng</b>	<b>258.651.548.418</b>	<b>73.111.607.443</b>
Giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>258.651.548.418</b>	<b>73.111.607.443</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	253.422.267.528	69.918.071.361
Giá vốn khác	90.837.700	668.616.345
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.061.755)	(581.236.852)
<b>Tổng</b>	<b>253.463.043.473</b>	<b>70.005.450.854</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	5.238.022.862	6.131.181.485
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.668.302.325	12.030.637.100
<b>Tổng</b>	<b>17.906.325.187</b>	<b>18.161.818.585</b>
<i>Doanh thu HĐTC với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>12.668.302.325</i>	<i>12.030.637.100</i>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.654.697.861	8.168.430.877
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	225.719.453	218.690.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.822.870	903.315.116
Thuế, phí, lệ phí	94.025.501	23.174.930
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.983.800)	(5.442.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.440.288.823	1.896.435.865
Chi phí khác bằng tiền	2.862.734.431	2.165.605.789
<b>Tổng</b>	<b>16.511.305.139</b>	<b>13.370.211.351</b>

**6.5 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.415.422.367</b>	<b>824.766.182</b>
Thanh lý tài sản cố định	-	24.601.818
Thanh lý CCDC, phế liệu	-	179.328.000
Cho thuê văn phòng	707.927.270	620.836.364
Lãi nhận được theo Quyết định thi hành án	662.932.682	-
Thu nhập khác	44.562.415	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>227.389.814</b>	<b>159.319.917</b>
Phạt vi phạm thuế và tiền phạt hành chính	106.749.394	57.918.669
Phí thi hành án	101.890.420	-
Chi phí thanh lý CCDC, phế liệu	-	47.812.324
Chi phí khác	18.750.000	53.588.924
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.188.032.553</b>	<b>665.446.265</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.771.557.546</b>	<b>8.563.210.088</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.668.302.325)	(12.030.637.100)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(4.896.744.779)</b>	<b>(3.467.427.012)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.7 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	237.464.185.275	36.688.385.810
Chi phí nhân công	14.818.884.375	9.947.528.622
Chi phí sử dụng máy thi công	30.000.000	1.272.255.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.439.538	917.265.116
Thuế, phí, lệ phí	92.025.501	22.174.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.864.062.495	2.829.271.532
Chi phí khác bằng tiền	11.677.239.683	9.552.773.803
<b>Tổng</b>	<b>328.207.836.867</b>	<b>61.229.654.813</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ với Tổng Công ty
Các bên liên quan khác là các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại mục 1.5 Cấu trúc doanh nghiệp của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát và có ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên chủ chốt của Tổng Công ty: Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các thành viên gia đình thân cận của thành viên chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a) Giao dịch với Nhân sự Quản trị, điều hành chủ chốt**

<i>Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị</i>		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Ông Trần Anh Tấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	214.806.000	215.806.000
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT	28.000.000	24.000.000
Ông Mai Công Toàn	Nguyên thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Vương Khả Hải	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 31/5/2024)	24.209.000	-
<b>Tổng</b>		<b>315.015.000</b>	<b>287.806.000</b>
<i>Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát</i>		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát	129.622.000	132.601.000
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Đình Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)	10.000.000	12.000.000
Ông Phạm Hùng	Thành viên (Bầu ngày 31/5/2024)	2.000.000	-
<b>Tổng:</b>		<b>153.622.000</b>	<b>156.601.000</b>
<i>Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng</i>		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc	204.624.000	200.650.000
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	155.997.000	151.552.000
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc	209.124.500	68.677.000
Ông Đặng Quang Cường	Kế toán trưởng	141.474.000	135.874.000
Ông Vương Khả Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/06/2024)	109.728.600	-
<b>Tổng</b>		<b>820.948.100</b>	<b>556.753.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch với bên liên quan</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
<b>1. Tổng giá trị giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ</b>			<b>8.087.359.566</b>	<b>612.242.602</b>
Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5	Công ty con	Chi phí chung tòa nhà	49.553.858	35.567.832
		Mua cọc bê tông ly tâm	8.037.805.708	-
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp (CIPC)	Công ty con	Khối lượng thi công, xây lắp	-	576.674.770
<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch với bên liên quan</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
<b>2. Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			<b>12.668.302.325</b>	<b>12.030.637.100</b>
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận	5.412.865.500	5.412.865.500
Công ty CP Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận	2.289.833.700	4.906.786.500
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng-COMESS	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	1.248.000.000	1.144.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	149.500.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	893.930.159	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	1.965.130.566	-
Công ty CP khai thác đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	-	275.000.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận	496.689.600	-
Tổng Công ty điện lực KTV - CTCP	Đầu tư khác	Cổ tức, lợi nhuận	212.352.800	291.985.100

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch với bên liên quan</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
<b>3. Giao dịch khác</b>				
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Chi hộ gốc vay ngân hàng	22.207.417.315	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Chi hộ lương nhân viên biệt phái và chi khác	283.053.340	1.315.049.915
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	Công ty con	Lãi vay	5.219.465.843	5.753.912.924
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa Chất	Công ty con	Chi hộ lương nhân viên biệt phái và khoản chi hộ khác	-	337.668.336
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	Cho thuê văn phòng	429.545.454	429.545.454
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	Chi hộ lương nhân viên biệt phái	45.564.489	74.653.067

**c) Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>1. Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	362.971.270	362.971.270
		362.971.270	362.971.270
<b>2. Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng VINAINCON	Công ty liên kết	20.000.000.000	-
		20.000.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Mẫu số B09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c) Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>3. Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	463.235.649.860	424.865.077.383
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con	408.989.353.155	381.279.416.657
Công ty CP XNK Hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam	Công ty con	7.150.635.770	7.150.635.770
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Công ty con	173.100.000	173.100.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con	161.566.205	161.566.205
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con	7.059.425.997	6.165.495.838
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Công ty con	1.965.130.566	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	Công ty con	627.090.984	627.090.984
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hoá chất	Công ty con	688.500.000	688.500.000
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	13.844.892.847	13.844.892.847
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Công ty con	8.510.193.200	7.220.359.500
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	3.866.332.500	-
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty con	2.435.731.909	2.435.731.909
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết	925.341.640	498.250.586
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng - Comess	Công ty liên kết	432.000.000	432.000.000
Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết	1.248.000.000	-
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Công ty liên kết	575.000.000	575.000.000
Công ty CP Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	466.097.346	466.097.346
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	187.914.830	187.914.830
		3.929.342.911	2.959.024.911

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	33.361.858.620	22.309.280.123
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng - Comess	Công ty liên kết	5.392.518.890	5.584.743.027
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 5	Công ty con	5.691.112.890	5.691.112.890
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất -H76	Công ty con	13.199.914.029	1.955.111.395
		592.695.000	592.695.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c) Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>5. Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết	9.551.760.243	9.689.320.049
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	5.805.779	5.805.779
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Công ty con	442.281.117	442.281.117
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Công ty con	1.092.597.880	1.092.597.880
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	2.614.811.001	2.614.811.001
Công ty CP Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	5.390.987.300	5.390.987.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 5	Công ty con	5.277.166	5.277.166
		-	137.559.806
<b>6. Phải trả khác</b>			
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con	8.963.211.916	8.963.211.916
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	8.955.861.916	8.955.861.916
		7.350.000	7.350.000

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024  
Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn